

Thực trạng áp dụng kế toán giá trị hợp lý tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam

Trịnh Hồng Hạnh

Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Đặc trưng hoạt động ngân hàng là kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với đối tượng chủ yếu là các công cụ tài chính mà giá trị của chúng thường xuyên biến động theo giá thị trường. Do vậy, để đảm bảo an toàn trong hoạt động cũng như cung cấp thông tin một cách minh bạch thì các công cụ tài chính cần được công bố theo giá trị thực của nó. Kế toán giá trị hợp lý (GTHL) sẽ giải quyết được yêu cầu này. Kế toán GTHL tại các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam cũng đã bước đầu được thực hiện, tuy nhiên so với chuẩn mực kế toán quốc tế thì vẫn còn nhiều hạn chế cả về cơ sở pháp lý cũng như thực tế áp dụng. Thông qua khảo sát báo cáo tài chính (BCTC) của 35 NHTM Việt Nam năm 2018, bài viết đánh giá thực trạng áp dụng kế toán GTHL của các NHTM Việt Nam, chỉ ra những hạn chế của vấn đề này, là cơ sở gợi mở cho những khuyến nghị áp dụng kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam theo chuẩn mực quốc tế.

Từ khóa: kế toán giá trị hợp lý, chuẩn mực kế toán quốc tế.

Status of applying fair value accounting in commercial bank in Vietnam

Abstract: The characteristic of banking activities is the business in field of currency and banking services with the main subjects being financial instruments whose values often fluctuate according to market prices. Therefore, in order to ensure safety in operation as well as provide transparency, financial instruments need to be disclosed according to their real value. Fair value accounting will address this requirement. Fair value accounting at commercial banks in Vietnam has been initially implemented, however, in comparison with international accounting standards, there are still many limitations both in terms of legal basis as well as in practice. Through a survey of the financial statements of 35 Vietnam's commercial banks in 2018, the paper aims to assess the current situation of applying the Fair Value Accounting in commercial banks of Vietnam, pointing out the limitations of this situation, which is an open basis for recommendations for applying Fair Value Accounting at Vietnam's commercial banks according to international standards.

Keywords: fair value accounting, international accounting standards

Hanh Hong Trinh

Email: hanhth@hvn.edu.vn

Faculty of Banking, Banking Academy of Vietnam

Ngày nhận: 26/03/2020

Ngày nhận bản sửa: 28/04/2020

Ngày duyệt đăng: 19/05/2020

1. Tổng quan nghiên cứu

Cho đến nay, các chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) đưa ra 7 định nghĩa khác nhau về GTHL. Sau khi chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) 13- Đo lường GTHL, được ban hành tháng 5/2011 thì các IAS khi bổ sung, sửa đổi hoặc các IFRS ban hành mới đã tiếp cận và yêu cầu tham chiếu theo khái niệm GTHL qui định trong IFRS 13.

Theo IFRS 13, GTHL là giá sẽ nhận được khi bán một tài sản hoặc phải trả khi thanh toán một khoản nợ phải trả trong một giao dịch thông thường giữa các bên tham gia thị trường tại ngày đo lường.

Việc áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế sẽ mang lại nhiều lợi ích không chỉ đối với bản thân các doanh nghiệp mà còn góp phần mang lại lợi ích cho quốc gia.

GTHL được đánh giá là cơ sở đo lường đáp ứng được yêu cầu ra quyết định của các chủ thể có lợi ích liên quan, hơn hẳn các cơ sở đo lường khác, thể hiện trên những khía cạnh cơ bản thuộc yêu cầu chất lượng của thông tin kế toán: *i) Tính thích hợp của thông tin:* Laux và Leuz (2009) đã nhận định BCTC theo GTHL “phản ánh điều kiện thị trường hiện tại và do đó cung cấp thông tin thích hợp, kịp thời”; *ii) Tính trung thực:* nhiều kết quả nghiên cứu đã chứng minh rằng GTHL là đáng tin cậy ở tất cả các cấp độ ước tính. Các ước tính thuộc cấp độ 1 thì hoàn toàn đáng tin cậy, các ước tính thuộc cấp độ 2 và 3 thì kém tin cậy hơn song tính tin cậy vẫn được chứng minh là ở mức độ cao (Barth và Clinch (1998); Dietrich và cộng sự (2001); Danbolt và Rees (2008)); *iii) Tính so sánh:* Christensen và Nikolaev (2009) khi nói đến các lợi ích của việc áp dụng GTHL, đã nhấn mạnh vào lợi ích “tăng tính so sánh giữa các công ty”; *iv) Tính minh*

bạch: Theo Laux và Leuz (2009), áp dụng GTHL đối với tài sản hoặc nợ phải trả sẽ “làm tăng tính minh bạch và giúp công ty đề ra được các biện pháp khắc phục nhanh chóng và đúng lúc, giúp các nhà đầu tư đưa ra được các quyết định đầu tư chính xác”.

Bên cạnh đó, việc áp dụng kế toán GTHL còn góp phần nâng cao uy tín quốc gia thông qua việc tuân thủ chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy quá trình hội tụ quốc tế: Barlev và Haddad (2007) đã nghiên cứu mối quan hệ giữa GTHL với hài hoà và hội tụ quốc tế. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng sự hòa hợp kế toán quốc tế có tính khả thi nếu sử dụng GTHL và kết luận rằng hệ thống kế toán theo GTHL là chất xúc tác, góp phần thúc đẩy quá trình hội tụ quốc tế, nâng cao uy tín quốc gia. Nhận thức này cũng sẽ là yếu tố thúc đẩy các DN trong mỗi quốc gia lựa chọn GTHL.

Nghiên cứu về sự ủng hộ kế toán GTHL, đã có nhiều quan điểm khác nhau, ủng hộ và không ủng hộ kế toán GTHL, đặc biệt sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 với hơn 300 ngân hàng Mỹ phá sản, làm các bên liên quan đã đổ tội lẫn nhau, trong đó có nguyên nhân được nhắc đến là việc sử dụng khắt khe nguyên tắc GTHL trong định giá tài sản đã làm cho các ngân hàng phá sản nhanh hơn. Trong bối cảnh đó, Laux, C. & Leuz, C. (2010) đã tiến hành phân tích và nghiên cứu các quan điểm về GTHL trong việc tác động của nó đến khủng hoảng tài chính năm 2008. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng khó có khả năng GTHL tác động đến việc định giá tài sản trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008.

Ở một góc độ khác, Chea, A. C (2011), đã tổng hợp sự phát triển của GTHL theo Chuẩn mực kế toán tài chính 157 (FAS 157) và ảnh hưởng của nó lên BCTC trên

các khía cạnh thích hợp và độ tin cậy, tính xác thực và việc trình bày trên BCTC. Ngoài ra tác giả cũng trình bày các quan điểm xung quanh việc sử dụng GTHL. Cuối cùng, tác giả đưa ra các kiến nghị trong việc nâng cao sự hữu ích của việc sử dụng GTHL.

Ở Việt Nam, nghiên cứu của Dương Thị Thảo (2013) với đề tài Luận án tiến sĩ “Một số giải pháp hoàn thiện các qui định về sử dụng GTHL trong chế độ kế toán DN Việt Nam hiện nay” cũng đã tiến hành khảo sát sự ủng hộ của các DN trong việc áp dụng GTHL. Tác giả đã tiến hành khảo sát 200 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán, 10 công ty cổ phần chưa niêm yết, 3 DN nhà nước và 3 công ty trách nhiệm hữu hạn, kết quả thu được: mặc dù GTHL còn mới mẻ, song đã có nhiều đối tượng khảo sát đưa ra quan điểm ủng hộ áp dụng GTHL.

Bên cạnh các nghiên cứu về sự ủng hộ việc áp dụng kế toán GTHL, cũng có nhiều nghiên cứu về tình hình áp dụng GTHL tại các doanh nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam.

Cairns và cộng sự (2011) đã nghiên cứu tình hình áp dụng GTHL với mẫu là 228 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán của Anh và Úc. Nhóm nghiên cứu tìm ra rằng tại Úc và Anh, với các khoản mục yêu cầu bắt buộc phải áp dụng GTHL như các công cụ tài chính (theo Chuẩn mực kế toán quốc tế 39- IAS 39) và thanh toán cổ tức (IFRS 2) thì mức độ áp dụng IFRS là rất cao. Đối với các khoản mà được quyền lựa chọn giữa GTHL và giá gốc thì các công ty trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm và bất động sản đầu tư đã áp dụng GTHL một cách phổ biến và đem lại nhiều hiệu quả kinh tế nhất. Đối với các khoản mục khác như máy móc,

thiết bị, nhà xưởng, tỷ lệ công ty áp dụng phương pháp GTHL còn thấp...

Tại Trung Quốc, Songlan và cộng sự (2014) cũng đã thực hiện nghiên cứu việc áp dụng IFRS trong bối cảnh nền kinh tế mới nổi của Trung Quốc. Nghiên cứu này đánh giá việc áp dụng GTHL của Trung Quốc bằng cách xem xét lịch sử phát triển và mức độ áp dụng GTHL. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng hệ thống kế toán mới của Trung Quốc đã áp dụng rộng rãi GTHL theo IFRS để thích ứng với áp lực bên trong do sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường và để thích ứng với áp lực bên ngoài từ các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, sự khác biệt đáng kể giữa các tiêu chuẩn kế toán Trung Quốc và IFRS vẫn còn. Trung Quốc dường như đã chấp nhận việc áp dụng GTHL cho công cụ tài chính, nhưng hạn chế áp dụng cho các tài sản phi tài chính. Sự khác biệt này dường như không được thay đổi trong tương lai gần.

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu liên quan đến tình hình áp dụng kế toán GTHL còn khá khiêm tốn, chủ yếu tập trung ở các nghiên cứu mang tính chất định hướng.

Theo Phạm Đức Hiếu (2010), tại thời điểm nghiên cứu, tác giả đã nhận định: kế toán theo GTHL thực tế chưa được thừa nhận chính thức ở Việt Nam. Theo tác giả, mặc dù các hoạt động mua bán, sát nhập các DN có sử dụng GTHL, song GTHL được sử dụng trong những trường hợp này chỉ được sử dụng để xác định lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất chứ không nhằm mục đích lập BCTC như mục tiêu của việc áp dụng GTHL theo CMKT quốc tế. Một số DN niêm yết cũng đã mạnh mẽ áp dụng trên cơ sở giá thị trường cho năm 2008 nhưng còn nhiều tranh cãi giữa DN và với kiểm toán độc lập. Tác giả cũng nhận

định nhu cầu áp dụng GTHL là một hiện thực trong các DN Việt Nam.

Theo Hà Thị Ngọc Hà (2016), giá gốc được quy định là một nguyên tắc cơ bản của kế toán Việt Nam. Vai trò của GTHL còn khá mờ nhạt. Trong kế toán Việt Nam, GTHL được sử dụng chủ yếu trong ghi nhận ban đầu, chẳng hạn: ghi nhận ban đầu tài sản cố định, doanh thu, thu nhập khác, ghi nhận ban đầu và báo cáo các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, xác định giá phí hợp nhất kinh doanh.

Về định hướng sử dụng GTHL trong hệ thống kế toán Việt Nam, theo Hà Thị Ngọc Hà (2016), trước mắt, GTHL nhất thiết phải được sử dụng trong ghi nhận ban đầu đối với: bất động sản đầu tư, công cụ tài chính, hợp nhất kinh doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con, bởi lẽ, nếu phản ánh theo giá gốc sẽ không phản ánh được những thay đổi của thị trường, không phản ánh được lãi-lỗ chưa thực hiện vào đúng kỳ mà nó phát sinh.

Với các tổng quan nghiên cứu về GTHL cho thấy, kế toán GTHL tại các NHTM càng trở nên cần thiết bởi đối tượng kế toán ngân hàng chủ yếu là các công cụ tài chính có giá trị thường xuyên biến động theo giá thị trường, do vậy chúng cần được công bố theo GTHL để phản ánh đúng giá trị thực, đảm bảo chất lượng thông tin kế toán cung cấp. Tuy nhiên, kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam mới bước đầu được thực hiện và còn nhiều hạn chế so với chuẩn mực quốc tế cả về cơ sở pháp lý cũng như thực tế áp dụng. Song cũng đã có một số ít ngân hàng tự nguyện áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế. Điều đó cho thấy các ngân hàng cũng đã dần nhận thấy tác dụng của việc áp dụng kế toán GTHL. Hơn nữa, GTHL lần đầu tiên được quy định ở văn bản pháp lý cao nhất là Luật Kế toán

(sửa đổi) số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017) thể hiện xu hướng và sự cần thiết của vấn đề này. Do vậy cần phải có những nhìn nhận về thực trạng áp dụng kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam để có các giải pháp định hướng cho các ngân hàng áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế.

Trên cơ sở thu nhập, nghiên cứu, so sánh các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực quốc tế về GTHL, các văn bản chế độ kế toán hiện hành của các tổ chức tín dụng (TCTD) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành về việc hướng dẫn ghi nhận các đối tượng kế toán có giá trị cần được ghi nhận và phản ánh theo GTHL, tác giả tổng hợp, rút ra những đánh giá về cơ sở pháp lý để thực hiện kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam. Bên cạnh đó, thực trạng kế toán GTHL tại các NHTM còn được khảo sát về phương diện thực tế áp dụng tại các NHTM theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và theo chuẩn mực quốc tế. Phương pháp khảo sát được tác giả thực hiện thông qua thu thập BCTC năm 2018 đã kiểm toán của 35 NHTM Việt Nam được công bố trên website của các ngân hàng. Việc khảo sát BCTC của các NHTM để đánh giá việc áp dụng kế toán GTHL của các ngân hàng là một phương pháp đáng tin cậy bởi các ngân hàng đều phải công bố các chính sách kế toán, nguyên tắc kế toán được áp dụng với các khoản mục tài sản, nguồn vốn, thu nhập, chi phí được ghi nhận và trình bày trên các BCTC của mình. Do vậy, có thể đánh giá được các NHTM đã tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam quy định về GTHL ở mức độ nào, đã có sự thống nhất giữa các ngân hàng hay chưa cũng như đánh giá được thực trạng áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế của các NHTM Việt Nam. Những đánh

giá đó sẽ gợi mở cho những nghiên cứu tiếp theo về việc xác định nguyên nhân của những hạn chế trong việc áp dụng kế toán GTHL để đưa ra các khuyến nghị nhằm áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế tại các NHTM Việt Nam.

2. Thực trạng áp dụng kế toán giá trị hợp lý tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Qua nghiên cứu so sánh và tổng hợp các văn bản, chế độ kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế, đồng thời khảo sát BCTC hợp nhất và BCTC công ty mẹ năm 2018 (đã kiểm toán) của 35 NHTM Việt Nam được công bố trên website của các ngân hàng, tác giả đánh giá thực trạng áp dụng kế toán giá trị hợp lý tại các NHTM Việt Nam trên 3 nội dung chính:

Thứ nhất, về hệ thống cơ sở pháp lý cho việc áp dụng kế toán GTHL của các NHTM Việt Nam, trước hết là cơ sở pháp lý của kế toán GTHL quy định chung đối với tất cả các doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, bên cạnh đó là các chế độ kế toán hướng dẫn GTHL của NHNN.

Qua tổng hợp nghiên cứu các chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam cho thấy, đến nay bộ CMKT Việt Nam bao gồm 01 chuẩn mực chung và 25 chuẩn mực cụ thể, trong đó có 13 chuẩn mực bắt buộc hoặc cho phép một cách trực tiếp hay gián tiếp việc áp dụng GTHL, 10 chuẩn mực yêu cầu áp dụng GTHL trong ghi nhận ban đầu đối với tài sản và nợ phải trả, 6 chuẩn mực cho phép áp dụng GTHL khi trình bày và công bố thông tin trên BCTC. Theo đó khái niệm GTHL sau mỗi đợt ban hành CMKT (từ 2001 đến 2005) và đến Thông tư 210/2009/TT-BTC và Luật Kế toán số

88 (năm 2015) đã dần được hoàn thiện, song nhìn chung so với chuẩn mực quốc tế thì các khái niệm là chưa đầy đủ, rõ ràng, chưa giải thích được các thuật ngữ sử dụng, như vậy sẽ rất khó cho người sử dụng áp dụng khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến GTHL. Việt Nam chưa có các CMKT quy định riêng về công cụ tài chính cũng như về GTHL, Bộ Tài chính mới ban hành *Thông tư 210/2009/TT-BTC v/v “Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”*, quy định: Tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo GTHL thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và BCTC của đơn vị phải thuyết minh các thông tin về GTHL. Bên cạnh đó, *Thông tư 200/2014/TT-BTC v/v “Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp”* có một số quy định về GTHL cho các đối tượng gồm: Chứng khoán kinh doanh; tài sản cố định; các khoản đầu tư và doanh thu, chi phí.

Bên cạnh các cơ sở pháp lý chung do Bộ Tài chính ban hành, kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam còn được thực hiện trên cơ sở chế độ kế toán do NHNN ban hành nhằm hướng dẫn cụ thể hơn với các đối tượng kế toán có giá trị thường xuyên biến động theo giá thị trường. Đó là Công văn số 7459/NHNN-KTTC ngày 30/8/2006 của Vụ Kế toán tài chính- NHNN v/v “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ kinh doanh, đầu tư chứng khoán” và Công văn 7404/NHNN-KTTC ngày 29/8/2006 của Vụ Kế toán tài chính- NHNN v/v “Hướng dẫn hạch toán kế toán nghiệp vụ phát sinh tiền tệ”.

Công văn số 7459/NHNN-KTTC có nội dung chính là đưa ra các nguyên tắc hạch toán đối với các loại chứng khoán ngân hàng mua về và được phân loại theo mục đích nắm giữ gồm 3 loại chính: chứng

khoản kinh doanh, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (việc phân loại này đã phù hợp với việc phân loại tài sản tài chính theo CMKT quốc tế IAS 32 và IAS 39).

Công văn 7404/NHNN-KTTC qui định các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ ghi nhận lần đầu theo giá trị giao dịch, tiếp theo thường xuyên được đánh giá lại, ghi nhận trên sổ sách kế toán theo hoặc gần đúng theo GTHL thị trường; đồng thời kết quả (lãi/ lỗ) của tổ chức tín dụng (TCTD) được xác định hợp lý, hạn chế bớt tình trạng lãi giả, lỗ thật hoặc lãi thật, lỗ giả như cách hạch toán trước đó.

Thứ hai, về việc áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam của các NHTM. Để đánh giá thực trạng này, nội dung khảo sát tập trung vào các khoản mục có yêu cầu ghi nhận, trình bày theo GTHL được quy định trong các CMKT chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Tuyên bố về tuân thủ: 100% Ban điều hành các NHTM khẳng định BCTC được lập phù hợp với các CMKT Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do NHNN ban hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC của Việt Nam. Theo đó, các BCTC được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở đo lường: 100% các ngân hàng khảo sát có thuyết minh là các BCTC ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc.

Các giao dịch ngoại tệ: 100% BCTC các ngân hàng thuyết minh: Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Trình bày và thuyết minh thông tin về công cụ tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC: Mặc dù hiện tại chưa có CMKT Việt Nam về công cụ tài chính nhưng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC v/v “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày BCTC và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”. Khảo sát thuyết minh BCTC năm 2018 của 35 NHTM cho thấy có 3 nhóm ngân hàng: i) các ngân hàng không thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư 210/2009/TT-BTC: có 5/35 NHTM được khảo sát; ii) các ngân hàng thuyết minh về phân loại, thời điểm ghi nhận và dừng ghi nhận công cụ tài chính: có 8/35 NHTM được khảo sát. Các ngân hàng này chỉ thuyết minh về các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng và phân loại theo các nhóm theo chuẩn mực kế toán quốc tế; iii) các ngân hàng thuyết minh về phân loại, thời điểm ghi nhận và dừng ghi nhận công cụ tài chính; giá trị hợp lý của công cụ tài chính so với giá trị ghi sổ của công cụ tài chính: có 22/35 NHTM được khảo sát. Các ngân hàng này, bên

cạnh thuyết minh về các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng và phân loại theo các nhóm theo CMKT quốc tế, còn thuyết minh về việc ghi nhận và dừng ghi nhận công cụ tài chính cũng như GTHL của công cụ tài chính ở thời điểm báo cáo so với giá trị ghi sổ.

Chứng khoán kinh doanh: 100% thuyết minh BCTC của các ngân hàng được khảo sát thuyết minh về nguyên tắc ghi nhận chứng khoán kinh doanh và giá trị công bố trên BCTC như sau: Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá thị trường.

Chứng khoán đầu tư: 100% thuyết minh BCTC của các ngân hàng được khảo sát thuyết minh về nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư và giá trị công bố trên BCTC theo hướng dẫn của NHNN.

Góp vốn đầu tư dài hạn: 100% BCTC của các ngân hàng thuyết minh về các khoản đầu tư dài hạn như sau:

- Ghi nhận ban đầu: theo giá gốc.
- Ghi nhận tiếp theo: sau ghi nhận ban đầu, các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

Trên BCTC hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tài sản cố định: 100% BCTC của các ngân hàng được khảo sát ghi nhận các khoản mục tài sản này tuân thủ theo các CMKT hiện hành, việc sử dụng giá trị hợp lý nếu có chỉ nhằm mục đích ghi nhận ban đầu thay giá gốc.

Thuê tài sản: 100% các ngân hàng có thuê tài chính tài sản cố định (TSCĐ) đều thuyết minh việc ghi nhận ban đầu TSCĐ thuê tài chính theo đúng CMKT Việt Nam VAS 06 “Thuê tài sản”.

Bất động sản đầu tư: Có 65% các ngân hàng có khoản mục bất động sản đầu tư thuyết minh “Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế”. Có 35% các NH có khoản mục bất động sản đầu tư thuyết minh theo 2 loại bất động sản đầu tư: (i) Bất động sản đầu tư cho thuê; (ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Thứ ba, các ngân hàng đã và đang lập BCTC theo IFRS, đó chủ yếu là các ngân hàng thuộc nhóm 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn thực hiện thí điểm Basel 2 như: VCB, BIDV, Vietinbank, Sacombank, VIB, MB, Techcombank, VP Bank, Maritimebank, ACB... Kết quả khảo sát cho thấy việc áp dụng kế toán GTHL và lập BCTC theo IFRS của các ngân hàng chia làm 2 nhóm: nhóm thứ nhất, các ngân hàng lập BCTC theo IFRS trên cơ sở chuyển đổi từ báo cáo tài chính theo CMKT Việt Nam đã được kiểm toán và có sự hỗ trợ chuyển đổi thủ công của công ty kiểm toán; nhóm thứ hai là áp dụng kế toán GTHL trong ghi nhận ban đầu và lập BCTC theo IFRS.

3. Đánh giá chung về áp dụng kế toán giá trị hợp lý tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Với những nội dung khảo sát về thực trạng áp dụng kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam như trên, có thể đánh giá khái quát lại trên hai mặt những kết quả đạt được và những hạn chế như sau:

3.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, cơ sở pháp lý chung về kế toán GTHL: Ngay từ khi bắt đầu soạn thảo bộ CMKT Việt Nam, cơ quan soạn thảo đã tham khảo bộ CMKT quốc tế, theo đó GTHL đã được nghiên cứu vận dụng có chọn lọc phù hợp với các điều kiện của nền kinh tế, chính trị và xã hội. Bộ Tài chính đã nhanh chóng nghiên cứu ban hành bộ tiêu chuẩn thẩm định giá, đặc biệt là đưa ra hướng dẫn chi tiết thực hiện 5 phương pháp định giá.

Bên cạnh các CMKT, thông tư hướng dẫn chung của Bộ Tài chính trong lĩnh vực kế toán ngân hàng, với các đối tượng kế toán mà giá trị có thể biến động theo giá thị trường như chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán, công cụ phái sinh thì NHNN đã có hướng dẫn về cách ghi nhận và công bố thông tin để phản ánh được giá trị gần sát với giá trị thực của chúng và phù hợp với điều kiện của thị trường Việt Nam.

Thứ hai, về thực trạng áp dụng kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam: Hầu hết các NHTM Việt Nam tuân thủ theo đúng chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam quy định về kế toán GTHL, trình bày và công bố thông tin các đối tượng kế toán trên BCTC.

Thứ ba, tự nguyện áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế: Đã có một số các NHTM tự nguyện áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế xuất phát từ chính nhu cầu tự thân của các ngân hàng. Mặc dù việc áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế của các ngân hàng ở các mức độ khác nhau, song đây là dấu hiệu tốt cho việc định hướng áp dụng bắt buộc kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế tại các NHTM Việt Nam.

3.2. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam còn có những hạn chế sau:

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý của kế toán GTHL: Trên cơ sở tổng hợp nghiên cứu và so sánh các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành về GTHL mà các NHTM Việt Nam đang áp dụng với các chuẩn mực quốc tế, cho thấy cơ sở pháp lý của kế toán GTHL còn chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ: i) Khái niệm về GTHL ở trong các văn bản cơ sở pháp lý là không thống nhất, bên cạnh đó cũng không giải thích các thuật ngữ trong khái niệm, gây khó hiểu cho người đọc; ii) Các quy định về kế toán GTHL trong hệ thống CMKT còn rất hạn chế và mới dừng lại ở việc sử dụng GTHL để ghi nhận ban đầu thay cho giá gốc; iii) Chưa có chuẩn mực nào qui định về đo lường GTHL ngoại trừ đoạn 24 của VAS 04 “TSCĐ vô hình” có đề cập đến phương pháp xác định GTHL của TSCĐ vô hình; iv) Việt Nam chưa có CMKT quy định về suy giảm giá trị của tài sản như CMKT quốc tế; v) Những công văn, chế độ kế toán của NHNN hướng dẫn cho một số đối tượng kế toán ngân hàng có sự biến động giá trị thường xuyên mặc dù đã tiếp cận với chuẩn mực quốc tế, song vẫn có sự khác biệt nhất định so với chuẩn mực quốc tế, dẫn đến có sự khác biệt về thông tin kế toán cung cấp đối với các đối tượng kế toán đó nếu áp dụng theo chế độ kế toán của Việt Nam và theo chuẩn mực quốc tế.

Những hạn chế về cơ sở pháp lý này sẽ ảnh hưởng đến quá trình áp dụng kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam, tạo nên sự không thống nhất giữa các ngân hàng, khiến các yêu cầu về chất lượng của thông tin kế toán không được đảm bảo, từ đó ảnh hưởng đến

quyết định của những người sử dụng thông tin kế toán ngân hàng cung cấp.

Thứ hai, những hạn chế trong việc áp dụng kế toán giá trị hợp lý tại các NHTM Việt Nam theo chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam: i) BCTC của các ngân hàng được lập và trình bày theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam có cả những cảnh báo đối với người đọc về hạn chế sử dụng các báo cáo này do những khác biệt đáng kể với các chuẩn mực và thông lệ chung được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam. Các cảnh báo này có ảnh hưởng không tốt tới uy tín của hệ thống BCTC và độ tin cậy của cộng đồng đầu tư quốc tế đối với các thông tin tài chính của các NHTM Việt Nam; ii) Cũng như kết quả nghiên cứu thực trạng cơ sở pháp lý về kế toán GTHL ở Việt Nam, các NHTM Việt Nam chủ yếu vận dụng GTHL trong trường hợp ghi nhận ban đầu thay cho giá gốc; iii) Ở một số giao dịch còn có một số ngân hàng chưa áp dụng đúng CMKT quy định; iv) Việc trình bày và công bố thông tin về các công cụ tài chính còn chưa nhất quán giữa các ngân hàng với nhau. Những hạn chế này một phần chính là hệ quả của những hạn chế về cơ sở pháp lý của việc áp dụng kế toán GTHL tại các NHTM hiện nay.

Thứ ba, áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế tại một số ngân hàng tự nguyện áp dụng vẫn còn hạn chế: i) Số lượng ngân hàng tự nguyện áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế còn thấp (20%); ii) Hầu hết các ngân hàng lập BCTC theo IFRS trên cơ sở chuyển đổi BCTC theo CMKT Việt Nam sang và có sự hỗ trợ chuyển đổi thủ công của công ty kiểm toán; iii) Với những ngân hàng thực hiện chế độ kế toán GTHL và BCTC theo chuẩn mực quốc tế: mặc dù đã áp dụng việc xác định GTHL

theo các kỹ thuật định giá tương ứng với 03 cấp độ của các yếu tố đầu vào như IFRS 13 quy định, tuy nhiên trong một số trường hợp không có đủ thông tin về các yếu tố đầu vào để sử dụng kỹ thuật định giá nhằm xác định GTHL của các khoản mục tài sản, nợ phải trả dẫn đến các NH đó phải công bố GTHL với giả định bằng xấp xỉ giá trị ghi sổ hoặc không công bố GTHL của một số khoản mục tài sản, nợ phải trả.

Nguyên nhân của những tồn tại trên có thể xuất phát từ các yếu tố như: môi trường pháp lý, môi trường nghề nghiệp, môi trường kinh doanh, môi trường kinh tế, môi trường quốc tế và yếu tố văn hóa tâm lý. Trong đó, môi trường kinh tế và kinh doanh tạo ra các động cơ cho việc áp dụng kế toán GTHL, trong khi môi trường quốc tế lại tạo ra các áp lực cho việc áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế. Môi trường pháp lý và môi trường nghề nghiệp ảnh hưởng đến quá trình triển khai áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế. Cuối cùng, môi trường văn hóa tác động đến mức độ sẵn sàng chấp nhận các chuẩn mực quốc tế của lãnh đạo các tổ chức, là yếu tố có thể đẩy nhanh hoặc trì hoãn quá trình triển khai áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn quốc tế tại các quốc gia. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đến việc áp dụng kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam là nhiều hay ít thì cần có những khảo sát, đánh giá cụ thể ở những nghiên cứu tiếp theo.

4. Kết luận

Với sự cần thiết của kế toán GTHL do những lợi ích của nó mang lại, cùng xu hướng hội nhập kế toán quốc tế, việc áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế tại các NHTM Việt Nam là một xu thế tất yếu. Theo đó, đánh giá thực trạng áp dụng

kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam là bước đầu tiên cần phải thực hiện. Bài viết đã khảo sát và đánh giá những kết quả đạt được, đặc biệt là những hạn chế của việc áp dụng kế toán GTHL tại các NHTM Việt Nam hiện nay. Việc xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố được xem là nguyên nhân của những hạn chế đó sẽ là gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm khuyến nghị các giải pháp toàn diện cho việc áp dụng kế toán GTHL theo chuẩn mực quốc tế tại các NHTM Việt Nam trong thời gian tới ■

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính (2008), 26 CMKT Việt Nam (2001-2006), Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
2. Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của các NHTM Việt Nam, Website của các NHTM Việt Nam.
3. Barlev, B., Haddad and J.R. (2007), *Harmonization, comparability, and fair value accounting*, *Journal of Accounting, Auditing and Finance*, Vol. 22, No.3.
4. Barth, M. E., & Clinch and G. (1998), *Revalued Financial, Tangible, and Intangible Assets: Associations with Share Prices and Non-Market-Based Value Estimates*, *Journal of Accounting Research*, Vol. 36.
5. Cairn, D., Dianne, M., Ross, T., Ann, T. (2011), *IFRS fair value measurement and accounting policy choice in the United Kingdom and Australia*, *The British Accounting Review*, No. 43.
6. Chea, A. C (2011), *Fair Value Accounting: Its Impacts on Financial Reporting and How It Can Be Enhanced to Provide More Clarity and Reliability of Information for Users of Financial Statements*, *International Journal of Business and Social Science*, Vol. 2 No. 20
7. Christensen & Nikolaev, V. (2009), *Who uses fair value accounting for non-financial assets after IFRS adoption?*, *University of Chicago Booth School of Business, Working paper*, No. 09-12.
8. Danbolt, J., & Rees, W. (2008), *An Experiment in Fair Value Accounting: UK Investment Vehicles*, *European Accounting Review*, Vol 17 (2).
9. Dietrich, D., Harris, M., & Muller, K. A. (2001), *The reliability of investment property fair estimates*, *Journal of Accounting and Economics*. Vol 30.
10. Dương Thị Thảo (2013), *Một số giải pháp hoàn thiện các qui định về sử dụng giá trị hợp lý trong chế độ kế toán DN Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính.
11. Hà Thị Ngọc Hà (2016), *Cập nhật chuẩn mực kế toán Việt Nam phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế với việc góp phần tăng cường chất lượng báo cáo tài chính được kiểm toán*, truy cập ngày 15/7/2016, từ <http://www.vacpa.org.vn/>.
12. IFRS 13- Fair Value Measurement; IFRS 9 Financial Instruments ; IAS 32 Financial Instruments: Presentation; IAS 39: Financial Instruments: Recognition and Measurement, <https://www.iasplus.com/en/standards>
13. Laux, C., Leuz, C. (2009), *The crisis of fair-value accounting: Making sense of the recent debate*, *Accounting, Organizations and Society*, No. 34.
14. Laux, C., Leuz, C. (2010), *Did Fair – Value Accounting Contribute to the Financial Crisis?*, *Forthcoming in the Journal of Economic Perspectives*, Chicago University, Chicago.
15. Phạm Đức Hiếu (2010), *Kế toán theo giá trị hợp lý và khủng hoảng tài chính - các tranh luận và liên hệ thực tế ở Việt Nam*, Tạp chí Phát triển Kinh tế, số tháng 9/2010.
16. Songlan, P., Cameron, G., Kathryn, B. (2014), *Fair Value Accounting Reforms in China: Towards an Accounting Movement Theory*, truy cập ngày 02/6/2014, từ <http://ssrn.com/abstract=2229475>.